TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Hừng.

2. Ông Võ Văn Cường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Liên Anh- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh L** sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Xã MĐT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H** sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã MĐT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐT vào ngày 22/8/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do sau khi sinh cháu B bị chất độc da cam nên chị H mặc cảm nên bỏ về nhà cha mẹ ruột ngụ cùng ấp sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Di K sinh ngày 05/7/2011 và Trần Gia B sinh ngày 29/3/2013, hiện 02 con đang sống với anh, anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L được ly hôn với chị H, giao cháu K và cháu B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh L và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐT vào ngày 22/8/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sinh cháu B bị chất độc da cam nên chị H mặc cảm và bỏ về nhà cha mẹ ruột ngụ cùng ấp sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Đáng lý ra chị H phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ khi con bị chất độc da cam nhưng chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ngụ cùng ấp sinh sống, thể hiện ý chí của chị H là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Mặt khác thời gian anh L và chị H sống ly thân đã lâu mà không hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh L là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện cháu Trần Di K và Trần Gia B đang sống với anh L, anh L nuôi con tốt và cháu K có nguyện vọng được sống với anh L nếu anh L và chị H ly hôn, cháu B bị chất độc da cam. Chị H không có ý

kiến mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu K và cháu B nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K và cháu B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do anh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Do anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung là Trần Di K sinh ngày 05/7/2011 và Trần Gia B sinh ngày 29/3/2013 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0015379 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh L đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với anh Trần Thanh L được tính từ ngày tuyên án; đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã MĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi